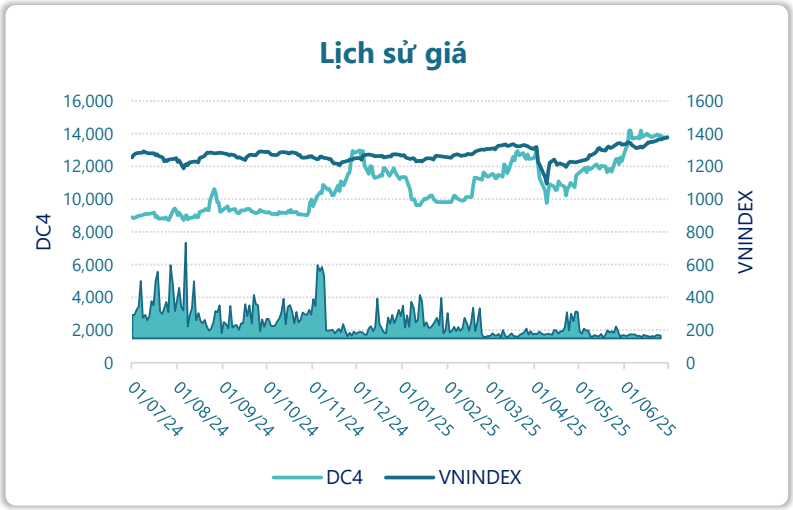
FireAnt

CTCP Dicera Holdings (HSX: DC4)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,720
SL cổ phiếu LH	95,285,704
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,496,715
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,315
P/E	9.2
EPS	1,497

DT thuần

Q2/25

491

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 200| 68.8%

YoY: ▼5.00| -1.0%

LN sau thuế

Q2/25

42.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.60| 4.1%

YoY: ▼15.9| -27.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.4%

+/- YoY: ▼ 4.3%

DT thuần

6T 2025

783

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 175| 28.8%

LN sau thuế

6T 2025

82.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.2| 32.3%

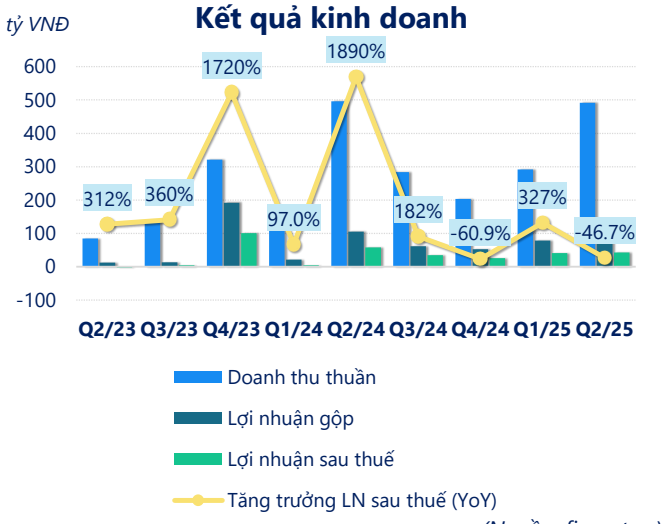
ROE

Q2/25

15.2%

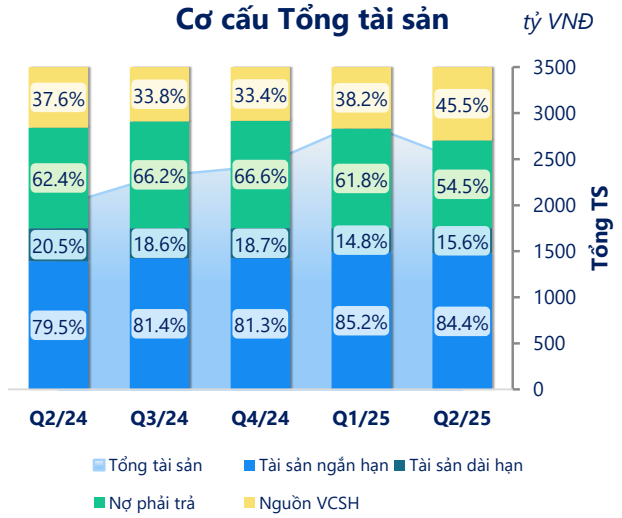
+/- YoY: ▼ 9.7%

Kết quả kinh doanh



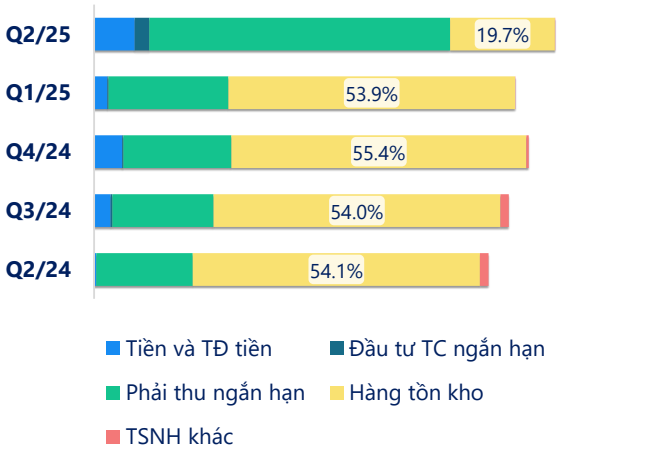
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



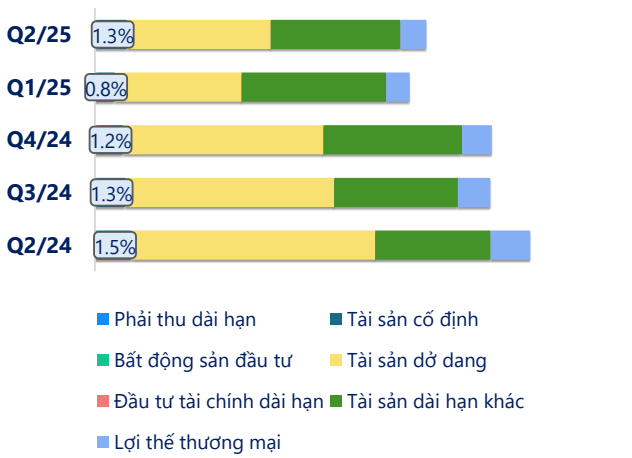
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



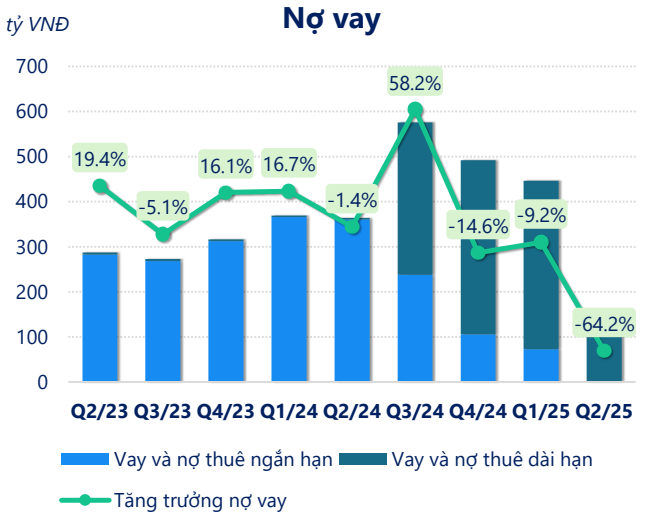
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



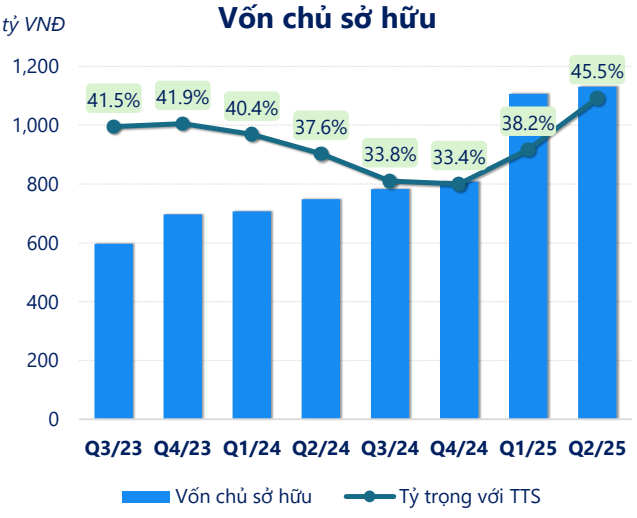
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



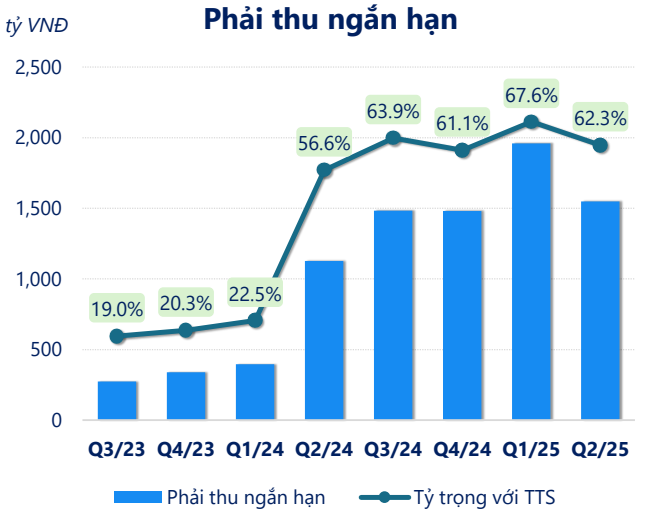
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



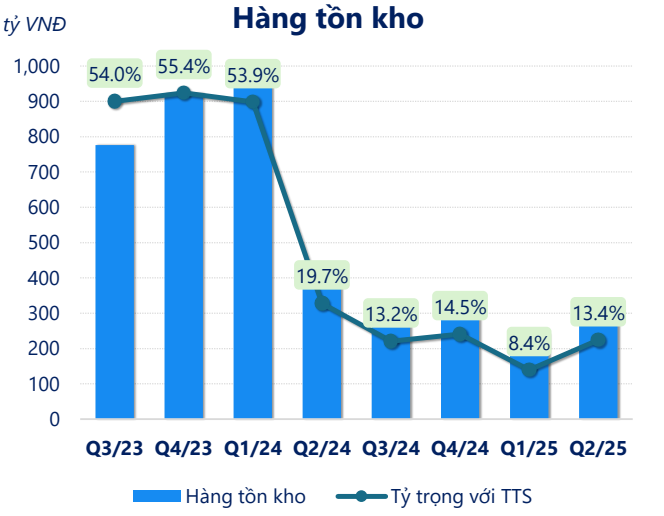
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



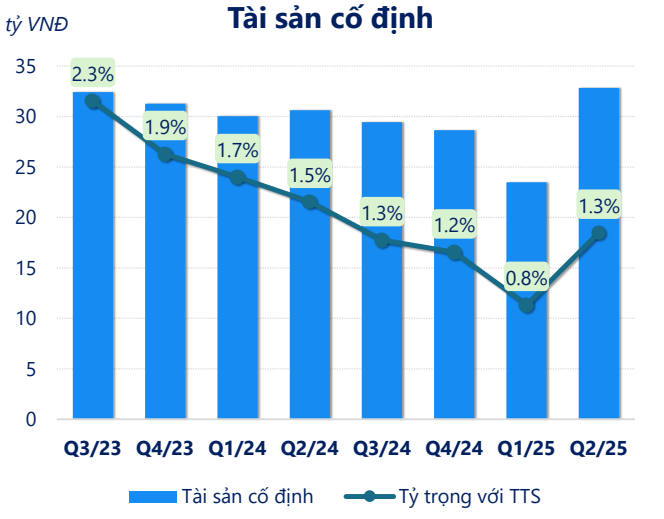
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



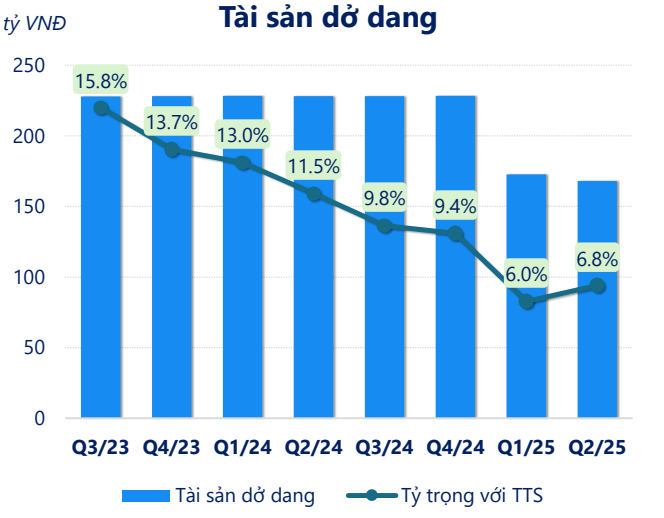
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



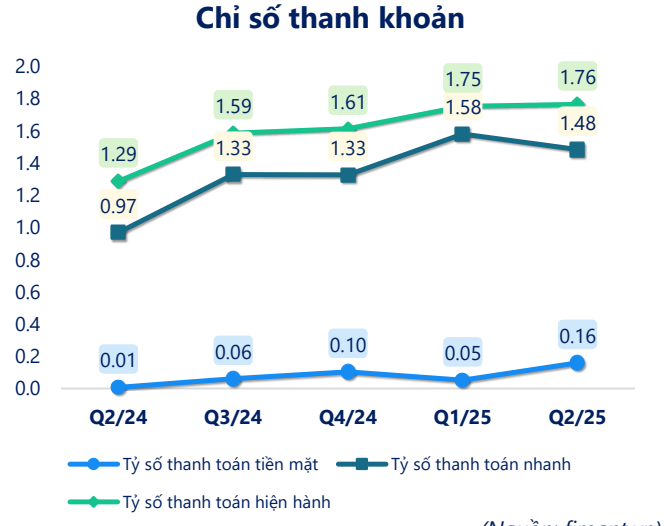
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



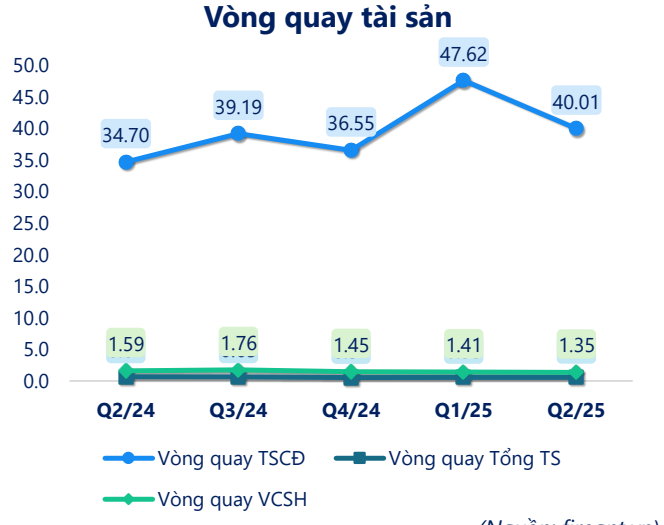
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,989**	**2,320**	**2,423**	**2,897**	**2,484**
Tài sản ngắn hạn	**1,582**	**1,889**	**1,971**	**2,468**	**2,097**
Tiền và tương đương tiền	8.56	72.1	127	71.7	190
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.4	4.41	4.41	194	14.4
Phải thu ngắn hạn	1,126	1,483	1,481	1,959	1,548
Hàng tồn kho	392	307	351	242	333
Tài sản ngắn hạn khác	1.38	22.1	7.45	1.02	11.5
Tài sản dài hạn	**407**	**431**	**452**	**429**	**387**
Phải thu dài hạn	3.46	3.46	3.46	3.46	4.32
Tài sản cố định	30.6	29.4	28.6	23.5	32.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	228	228	228	173	168
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	108	135	158	197	152
Lợi thế thương mại	37.1	35.4	33.7	32.0	30.3
Nợ phải trả	**1,241**	**1,537**	**1,615**	**1,790**	**1,353**
Nợ ngắn hạn	**1,229**	**1,191**	**1,221**	**1,408**	**1,188**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	361	238	105	72.4	1.76
Phải trả người bán ngắn hạn	149	115	109	97.1	97.4
Nợ dài hạn	11.2	346	394	382	165
Vay và nợ thuê dài hạn	3.48	338	387	374	158
Nguồn vốn chủ sở hữu	**749**	**783**	**808**	**1,107**	**1,131**
Vốn chủ sở hữu	**749**	**783**	**808**	**1,107**	**1,131**
Vốn điều lệ	525	577	577	866	953
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)